

Đ VT

00592

PHAN HỒNG GIANG - BUI HOÀI SƠN  
(Đồng chủ biên)

# QUẢN LÝ VĂN HÓA VIỆT NAM



TRONG TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI  
VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

# **QUẢN LÝ VĂN HÓA VIỆT NAM**

**TRONG TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI  
VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

Mã số: 3.37(V)  
CTQG-2012

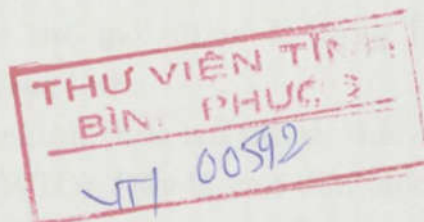
306.068

QUY 105L

PHAN HỒNG GIANG - BÙI HOÀI SƠN  
(Đồng chủ biên)

# QUẢN LÝ VĂN HÓA VIỆT NAM

TRONG TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI  
VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT  
Hà Nội - 2012

## **HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN**

|                       |                |
|-----------------------|----------------|
| TS. NGUYỄN DUY HÙNG   | Chủ tịch       |
| TS. VŨ TRỌNG LÂM      | Phó Chủ tịch   |
| ThS. NGUYỄN VĂN TRỌNG | Ủy viên thư ký |
| TS. HOÀNG MẠNH THẮNG  | Ủy viên        |
| NGUYỄN THỊ HƯƠNG      | Ủy viên        |
| VŨ QUANG HUY          | Ủy viên        |

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong bối cảnh toàn cầu hoá tác động tới các lĩnh vực đời sống xã hội của các quốc gia, dân tộc, nhất là với văn hóa - lĩnh vực mà ở đó sự thẩm thấu của các giá trị văn hóa ngoại nhập và các sản phẩm văn minh có khả năng làm "biến dạng" các nền văn hóa và đặt các yếu tố thuộc bản sắc văn hóa dân tộc trước những thách thức có tính chất sống còn.

Từ nhận thức đó, mỗi quốc gia, dân tộc tự tìm cho mình định hướng giá trị đúng đắn trong việc tham gia vào quá trình này nhằm mục đích bảo tồn và phát triển các giá trị truyền thống của mình, đồng thời góp phần làm phong phú thêm đặc điểm văn minh của toàn nhân loại với tư cách là hệ quả của sự tiếp biến văn hóa. Đó là lý do để Liên hợp quốc (UN) phát động trên phạm vi toàn thế giới "Thập kỷ văn hoá vì sự phát triển" (1987 - 1996). Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) cũng đi tiên phong trong việc soạn thảo những tuyên bố, công ước để bảo đảm sự phát triển văn hoá trên thế giới được đi đúng hướng, không bị các giá trị thị trường làm sai lệch.

Từ tháng 11-2006, Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Đây là một dấu mốc quan trọng của đất nước trong quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng với nền kinh tế thế giới. Việc gia nhập WTO không chỉ có ý nghĩa đối với nền kinh tế Việt Nam mà còn ảnh hưởng đến toàn bộ xã hội, đặc biệt là văn hoá. Chính sách mở cửa của Đảng, Nhà nước

tạo điều kiện cho những giao lưu, sinh hoạt văn hoá ở trong nước và cả nước ngoài trở nên đa dạng hơn. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, có nhiều vấn đề đặt ra trong quản lý văn hóa như: mối quan hệ giữa kinh tế và văn hoá trong phát triển bền vững; giữa bảo tồn di sản văn hoá, truyền thống văn hoá và phát triển; giữa tính dân tộc và hiện đại; vai trò của văn hoá trong các chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của mỗi vùng, mỗi địa phương, v.v..

Đảng và Nhà nước ta đã xác định “xây dựng văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”. Việc xây dựng, phát triển văn hoá đòi hỏi sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân và ở mọi cấp chính quyền. Mục tiêu của quản lý văn hóa ở nước ta là nhằm xây dựng và phát triển nền văn hóa mang đậm tính chất nhân văn, dân tộc và hiện đại, thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội. Những quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về văn hóa trong tiến trình đổi mới đất nước đã, đang và sẽ có tác động lớn đến hình thức, nội dung của quản lý văn hóa sao cho lĩnh vực này có thể phát huy hết vai trò tích cực của mình trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Những định hướng đúng đắn của quản lý văn hóa sẽ giúp cho các hoạt động văn hoá ở các địa phương, các vùng trở nên thuận tiện hơn; tránh sự lúng túng, tùy tiện trong việc thực thi các chính sách của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực văn hoá.

Để cung cấp thêm các luận cứ khoa học về cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển và quản lý văn hoá, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản cuốn sách ***Quản lý văn hoá Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế***. Cuốn sách được biên soạn dựa trên kết quả đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, mã số KX.03/06-10, do TSKH. Phan Hồng Giang và TS. Bùi Hoài Sơn là những tác giả chính, được nghiệm thu năm 2010.

Nội dung cuốn sách giới thiệu những quan điểm chung về quản lý văn hóa trong bối cảnh công cuộc đổi mới đang được đẩy

mạnh toàn diện ở nước ta và hội nhập quốc tế; giới thiệu kinh nghiệm quản lý văn hóa của một số quốc gia trên thế giới; đánh giá thực trạng quản lý văn hóa ở Việt Nam từ khi bắt đầu tiến trình đổi mới (1986) đến nay; đề xuất những định hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả quản lý văn hóa trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế.

Cuốn sách cung cấp nhiều thông tin bổ ích và là tài liệu tham khảo có giá trị đối với các nhà quản lý, các nhà hoạch định chính sách, các nhà khoa học và đông đảo bạn đọc quan tâm tới vấn đề này.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

*Tháng 12 năm 2012*

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA-SỰ THẬT**

## MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập sâu rộng trên mọi lĩnh vực, không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới, phát triển văn hoá được coi như một cứu cánh cho nhiều quốc gia, đặc biệt khi sự gia tăng của các giá trị vật chất - kinh tế không nhất thiết ở đâu và lúc nào cũng làm cho chất lượng cuộc sống của con người tốt hơn lên.

Sự gia tăng của cải ở nhiều quốc gia có thể mang tới sự thịnh vượng vật chất nhưng đã không làm cho nhiều người, nhiều xã hội cảm thấy hạnh phúc hơn, mà ngược lại, nhiều nền văn hoá, phong tục tập quán tốt đẹp bị mai một. Đó là lý do tại sao Liên hợp quốc (UN) phát động trên phạm vi toàn thế giới "Thập kỷ văn hoá vì sự phát triển" (1987 - 1996), với nhiều hoạt động sâu rộng, phong phú. UNESCO cũng tiên phong trong việc soạn thảo những tuyên bố, công ước để bảo đảm sự phát triển văn hoá trên thế giới được đi đúng hướng, không bị các giá trị thị trường làm sai lệch.

Ở Việt Nam, trong Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII), Đảng ta đã đề ra 5 quan điểm cơ bản và 10 nhiệm vụ trọng tâm trong việc xây dựng nền văn hoá Việt Nam. Nhấn mạnh tầm quan trọng của văn hoá như là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, Đảng và Nhà nước ta đã xem văn hoá như

một mặt trận trọng yếu và chỉ ra rằng, việc xây dựng, phát triển văn hoá đòi hỏi sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân và mọi cấp chính quyền. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (2006) đã khẳng định sự cần thiết phải đẩy mạnh toàn diện công cuộc *đổi mới*: Một mặt lấy phát triển kinh tế làm nhiệm vụ trọng tâm, mặt khác phải coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, đồng thời phải xây dựng văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển bền vững về môi trường và xã hội. Những yếu tố cực kỳ quan trọng này của tiến trình đổi mới đất nước đang và sẽ có tác động lớn đến quan niệm về nội dung và hình thức của quản lý văn hóa sao cho lĩnh vực này có thể phát huy hết vai trò tích cực của mình trong sự nghiệp phát triển văn hoá.

Việt Nam đã gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Đây là một bước chuyển mình quan trọng của đất nước ta trong quá trình *hội nhập* ngày càng sâu rộng với nền kinh tế thế giới. Việc gia nhập WTO không chỉ có ý nghĩa đối với nền kinh tế Việt Nam mà còn ảnh hưởng đến toàn bộ xã hội nói chung, trong đó đặc biệt là văn hoá. Chúng ta biết rằng, văn hoá không phải đi bên lề hay đi một mình, mà cùng đồng hành với các lĩnh vực khác trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Hàng loạt vấn đề đặt ra dưới góc độ nghiên cứu: mối quan hệ giữa kinh tế và văn hoá trong phát triển bền vững; giữa bảo tồn di sản văn hoá, truyền thống văn hoá và phát triển; giữa tính dân tộc và hiện đại? Làm thế nào để văn hoá gắn kết như một thành tố không thể tách rời trong chiến lược và các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của mỗi vùng, mỗi địa phương?... Tất cả là những câu hỏi còn đang bỏ ngỏ...

Xét ở bình diện vĩ mô, quản lý văn hóa đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng lâu dài cho sự phát triển văn hoá

của một quốc gia. Không những vậy, quản lý nói chung, quản lý văn hóa nói riêng còn là một khoa học nên nó không thể không dựa trên những cơ sở lý luận và thực tiễn sinh động. Xét ở bình diện vi mô, những định hướng đúng đắn của quản lý văn hóa sẽ giúp cho các hoạt động văn hoá ở các địa phương, các vùng trở nên thuận tiện hơn; tránh sự lúng túng, tùy tiện trong việc thực thi các chính sách của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực văn hoá.

Bắt đầu từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX, các tổ chức liên chính phủ như Liên hợp quốc, UNESCO và Liên minh châu Âu bắt đầu có những hoạt động quốc tế nhằm đề cao vai trò của văn hoá trong phát triển. Hội nghị liên chính phủ về “Chính sách văn hoá vì sự phát triển” tổ chức tại Stốckhôm, Thụy Điển vào tháng 3-1998 là cột mốc quan trọng đánh dấu sự hợp tác quốc tế về nghiên cứu chính sách văn hoá quốc gia. Hội nghị nhất trí đưa ra năm mục tiêu trong chính sách văn hoá vì sự phát triển, đó là: *thứ nhất*, đưa chính sách văn hoá trở thành một trong những thành tố cấu thành trong chính sách phát triển chung của quốc gia. Trong mục tiêu đầu tiên này, người ta nhấn mạnh đến việc sử dụng văn hoá để giải quyết các thách thức trong quá trình đô thị hoá, toàn cầu hoá và những thay đổi công nghệ; *thứ hai*, chính sách văn hoá phải thúc đẩy sức sáng tạo, bảo đảm tính đa dạng và sự tham gia bình đẳng của tất cả mọi người trong quá trình sáng tạo, phổ biến và thụ hưởng văn hoá; *thứ ba*, xây dựng hệ thống chính sách nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá vật thể và phi vật thể, thúc đẩy các ngành công nghiệp văn hoá và du lịch văn hoá; *thứ tư*, xây dựng hệ thống chính sách văn hoá nhằm thúc đẩy sự đa dạng văn hoá và ngôn ngữ trong một xã hội thông tin toàn cầu; bảo đảm sự phát triển văn hoá và ngôn ngữ các dân tộc thiểu số và bảo đảm vai trò

của truyền thông trong việc góp phần xây dựng, phổ biến và phát triển văn hoá; *thứ năm*, các chính phủ cần cam kết tăng cường các nguồn lực về con người và tài chính cho văn hoá.

Có thể nói, những mục tiêu cơ bản trên đây là những quan điểm chung được các nước đồng tình chấp thuận trong quá trình nghiên cứu, vận dụng để xây dựng và hoàn thiện chính sách quản lý văn hóa của mỗi quốc gia.

Xây dựng chính sách quản lý văn hóa là một trong những chủ đề được các quốc gia quan tâm nhiều trong toàn bộ quá trình hợp tác quốc tế trong những năm gần đây. Trong khoảng hơn 20 năm trở lại đây, nhiều nước đã tiến hành xem xét, đánh giá lại hiện trạng văn hoá để xây dựng Báo cáo văn hoá quốc gia nhằm cung cấp cho các nhà hoạch định chính sách văn hoá có cơ sở khoa học và khách quan điều chỉnh hoặc phát triển chính sách văn hoá phù hợp với các mục tiêu chính sách của quốc gia. Nhiều nước khác tiến hành điều chỉnh, hoàn thiện chính sách văn hoá đã có hoặc xây dựng chính sách văn hoá mới. Những nguyên nhân chính làm cho các quốc gia đẩy mạnh công tác nghiên cứu điều chỉnh, hoàn thiện, thậm chí xây dựng mới chính sách văn hoá quốc gia đã được các nhà nghiên cứu văn hoá chỉ ra, đó là:

- Nhiều quốc gia lo ngại quá trình toàn cầu hoá đang tạo ra những thách thức nghiêm trọng cho sự đa dạng văn hoá và bản sắc văn hoá dân tộc;

- Sự phát triển mạnh mẽ và nhanh chóng của công nghệ thông tin đã và có thể tạo ra cả những cơ hội và những thách thức mới cho hoạt động nghệ thuật và cho công tác bảo vệ bản quyền tác giả;

- Nhiều quốc gia nhận thức được ý nghĩa quan trọng về hiệu quả kinh tế và an sinh xã hội mà ngành công nghiệp văn hoá có thể mang lại cho đất nước;

- Do bị hạn chế hoặc được gia tăng thêm các nguồn lực tài chính, nguồn lực vật chất và nguồn nhân lực dành cho văn hoá, cả hai xu hướng này đều dẫn tới việc các nhà hoạch định chính sách phải nghiên cứu, điều chỉnh chính sách cho phù hợp để phát huy hiệu quả các nguồn lực cho văn hoá;

- Do sự thay đổi các điều kiện về chính trị - kinh tế - xã hội đòi hỏi phải thay đổi chính sách văn hoá cho phù hợp;

- Do mong muốn sử dụng văn hoá, nhất là văn hoá đối ngoại và văn hoá du lịch để nâng cao hình ảnh quốc gia trên thế giới và góp phần thúc đẩy quá trình phát triển, tái phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Ngoài những nỗ lực của các chính phủ, các học giả quốc tế đã có những đóng góp nhất định đối với việc nghiên cứu công tác quản lý văn hóa. Một số các tác giả tiêu biểu như J. Depaigne, (1978), J. Langsted, (1990), J. Lewis, (1994), Khang Thúc Chiêu (1996), J. Pick, và M. Anderton, (1996), W. J. Byrnes, (1999), C. Gordon, và S. Mundy, (2001), C. Mercer, (2002), R. Fisher, (2005)... đã đề cập đến những khía cạnh khác nhau trong việc hoạch định chính sách và quản lý văn hóa trong bối cảnh các quốc gia, khu vực và trên toàn thế giới; trên bình diện quản lý vĩ mô và quản lý vi mô. Tất cả dù không trực tiếp đề cập đến những vấn đề quản lý văn hóa ở Việt Nam nhưng đều là những tài liệu tham khảo bổ ích cho đề tài này.

Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về công tác quản lý văn hóa Việt Nam. Nhìn chung, các công trình viết về các vấn đề của văn hoá, về quản lý văn hóa Việt Nam đã mô tả một bức tranh chân thực, đa dạng về thực trạng văn hóa Việt Nam, nêu ra được những vấn đề và hướng đi để hoàn thiện quản lý văn hóa ở Việt Nam. “Chiến lược phát triển văn hoá đến năm 2015 và định hướng phát triển đến năm 2020” của

Bộ Văn hoá - Thông tin (trước đây) do tập thể các nhà khoa học: GS.TSKH. Lưu Trần Tiêu, TSKH. Phan Hồng Giang và PGS.TS. Nguyễn Chí Bền soạn thảo và hoàn thiện dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin là một công trình có ý nghĩa về khoa học và thực tiễn quản lý và hoạch định chính sách văn hoá. Trên cơ sở xác định các tư tưởng chủ đạo của chiến lược phát triển văn hoá ở nước ta hiện nay, *Chiến lược* đã đưa ra những đánh giá khách quan, khoa học về hiện trạng văn hoá nước ta với những thành tựu cũng như những mặt còn yếu kém, đồng thời nhận diện và dự báo các yếu tố trong nước và quốc tế tác động đến sự phát triển của văn hoá nước nhà trong những năm tới để từ đó xác lập những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu; là cơ sở hoạch định quy hoạch, kế hoạch từng bước thực hiện mục tiêu xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, để văn hoá thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, bảo đảm sự phát triển bền vững cho đất nước.

Trong lĩnh vực nghiên cứu này, cần phải kể đến các công trình khoa học có quy mô cấp nhà nước và cấp bộ (tỉnh) khác có liên quan trực tiếp đến thực trạng và việc quản lý văn hóa. Trong các Chương trình KX05, KX09, đều có những đề tài nghiên cứu về thực trạng đời sống văn hoá của người dân ở đô thị (KX05.03), người dân nông thôn đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long (KX05.02), đời sống của người dân tộc thiểu số ở các khu vực Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ (KX05.04), hay tập trung vào một thành phố (Hà Nội) với các đề tài về văn hoá vật thể và phi vật thể của thủ đô trong khuôn khổ đề tài KX09. Đáng lưu ý, với sự tài trợ của Quỹ SIDA (Thụy Điển), Viện Văn hoá - Thông tin đã xây dựng *Báo cáo quốc gia*

*về hiện trạng văn hoá Việt Nam trong giai đoạn 1990 - 2002.* Đây là một đánh giá tương đối toàn diện thực trạng, điểm mạnh, điểm yếu, những thuận lợi và khó khăn mà nền văn hoá Việt Nam đối mặt trong giai đoạn đó trong các lĩnh vực do ngành văn hoá - thông tin quản lý. Ngoài sự hỗ trợ của Quỹ SIDA, Dự án *Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý văn hoá - nghệ thuật trong bối cảnh nền kinh tế thị trường* (2000 - 2004) do Quỹ Ford tài trợ đã giúp ngành văn hoá xây dựng khung giáo trình chuyên ngành quản lý văn hoá - nghệ thuật, nâng cao năng lực nghiên cứu và giảng dạy về quản lý văn hóa trong bối cảnh mới. Bên cạnh đó là rất nhiều các đề tài cấp bộ của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã thực hiện có liên quan đến công tác quản lý văn hóa của ngành trong các lĩnh vực cụ thể như quan hệ quốc tế, tài chính... Những công trình này phần nào đã phản ánh những bức tranh đa dạng trong đời sống văn hoá nước ta, và có những giải pháp để nâng cao công tác quản lý văn hóa ở Việt Nam.

Bên cạnh đó, còn phải kể đến nhiều công trình nghiên cứu đã đưa ra các giải pháp, định hướng về quản lý văn hóa Việt Nam. Những giải pháp, định hướng này được rút ra từ các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cũng như trong so sánh với các phương thức quản lý văn hóa của nước ngoài như các công trình của các tác giả Đặng Văn Bài (1995), Nguyễn Chí Bền (1998), Phạm Quang Nghị (1996, 2005), Lưu Trần Tiêu (1998), Nguyễn Đức Bình (2001), Đinh Quang (2001), Nguyễn Tri Nguyên (2001), Đinh Quang Ngũ (2002), Nguyễn Văn Tình (2003), Phan Hồng Giang (2004), v.v..

Các tác giả cho rằng, về cơ bản, quản lý nhà nước về văn hóa là quá trình tác động đến mọi hoạt động văn hoá trong đời sống xã hội của con người dưới nhiều hình thức, từ bộ

máy tổ chức, cơ chế phối hợp các bộ, ban, ngành, đoàn thể; từ hoạch định chiến lược lâu dài, xác lập hệ thống pháp luật ở tầm quốc gia đến việc xây dựng và thực thi các chính sách văn hoá phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của từng lĩnh vực văn hoá ở các thời điểm và địa bàn khác nhau. *Mục tiêu* của quản lý văn hóa ở nước ta là nhằm thúc đẩy nền văn hóa của đất nước ta, của nhân dân ta không ngừng lớn mạnh, ngày càng mang đậm tính chất nhân văn, dân tộc và hiện đại, thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội.

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả của quản lý văn hóa, các tác giả đã đưa ra một số giải pháp như: 1/ Quản lý văn hóa phải bám chặt với đường lối, định hướng cơ bản của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; 2/ Quản lý văn hóa gắn với các cuộc vận động quần chúng; 3/ Quản lý văn hóa gắn với cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh - gia đình văn hoá; 4/ Quản lý văn hóa gắn với công tác xây dựng, phát triển các hoạt động văn hóa của nhân dân ở cơ sở; 5/ Quản lý văn hóa gắn với việc tạo ra nhiều sản phẩm văn hóa đáp ứng nhu cầu nhân dân; 6/ Quản lý văn hóa gắn với việc xã hội hoá các hoạt động văn hóa; 7/ Quản lý văn hóa cần quản lý chặt công tác xuất nhập khẩu văn hóa; 8/ Quản lý văn hóa gắn với công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm.

Nhìn chung, đã có nhiều công trình nghiên cứu về các lĩnh vực khác nhau của thực trạng đời sống văn hoá cũng như lĩnh vực quản lý văn hóa. Mỗi công trình có những cách tiếp cận riêng, có những đóng góp nhất định (và cũng có những hạn chế riêng). Trong công trình này, ngoài tính kế thừa những thành tựu của các tác giả đi trước, đã đưa ra những kiến giải mới về quản lý văn hóa trong bối cảnh công cuộc đổi mới toàn diện và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay.

## Chương 1

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ VĂN HÓA

## I- KHÁI NIỆM VĂN HOÁ, QUẢN LÝ VÀ QUẢN LÝ VĂN HÓA

### 1. Khái niệm văn hoá

Từ các góc độ tiếp cận khác nhau về văn hoá, cho đến nay đã có hàng trăm định nghĩa khác nhau về văn hoá. Hệ thống lý thuyết về văn hoá cũng vô cùng đa dạng với nhiều trường phái và học thuyết khác nhau. Dưới đây là một số cách nhận định cơ bản về văn hóa:

- Nhà nhân học Anh, E.B. Tylor, là người đầu tiên trình bày định nghĩa về văn hóa như một đối tượng nghiên cứu khoa học trong công trình *Văn hóa nguyên thủy* xuất bản tại Luân Đôn, năm 1871, theo đó, ông cho rằng, văn hóa là một tổng thể phức tạp, bao gồm tri thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, pháp luật, phong tục và cả những năng lực, thói quen mà con người đạt được trong xã hội.

- Trường phái nhân học Mỹ: Gồm một loạt những khuynh hướng riêng với phương pháp luận và hệ phương pháp độc lập như: phái lịch sử với các đại diện Boas, Kroeber, Uysler, Luy,...; phái tâm lý học - dân tộc với những tên tuổi như



Cacdinơ, R. Benedic. Trường phái nhân học Mỹ cho đến nay đã trải qua những giai đoạn thay thế các quan điểm phương pháp luận khác nhau như: chủ nghĩa tiến hóa cổ điển của Morgan, chủ nghĩa kinh nghiệm phản tiến hóa của Boas, chủ nghĩa khuếch tán văn hóa, cách tiếp cận cấu trúc - chức năng, sự phục hồi chủ nghĩa tiến hóa, chủ nghĩa đa nguyên về phương pháp luận. Trường phái nhân học Mỹ nhìn chung luôn khẳng định tính không phân chia của tri thức, tính thống nhất quan niệm nghiên cứu về con người với tư cách là một thực thể sinh học, đồng thời là một thực thể văn hóa trên cơ sở dân tộc học là chính.

- Trường phái tiến hóa - văn hóa: Chịu ảnh hưởng của thuyết tiến hóa của Darwin, trường phái này được hình thành từ những năm 60 của thế kỷ XX do nhà xã hội học Mỹ L. Watt khai phá. Các đại diện tiêu biểu của nó gồm có: D.F. Aberle, A.N. Adams, R. Anderson, R. Cacneyro, G.E. Docun, M. Harrison... Trường phái này nghiên cứu các hiện tượng văn hóa, các quy luật chung của tiến trình lịch sử - văn hóa và sự đặc thù của văn hóa loài người. Trường phái này nhấn mạnh rằng, văn hoá cũng là một quá trình, theo đó, nó cũng tiến hóa theo hướng từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện.

- Trường phái “biên niên sử” hay “khoa học lịch sử mới”: Xuất hiện ở Pháp vào giữa thế kỷ XX; khuynh hướng khoa học của nó được thể hiện rõ xung quanh các tạp chí khoa học do M. Block và L. Phebro sáng lập và xuất bản như: *Biên niên sử* (1929 - 1939), *Biên niên sử về lịch sử xã hội* (1941 - 1945) hay tạp chí không định kỳ: *Tuyển tập lịch sử - xã hội, kinh tế - xã hội, văn minh* (1943 - 1994) và *Biên niên sử, lịch sử, khoa học xã hội* (từ năm 1994 đến nay). Đặc điểm chính của trường phái này là thay thế “lịch sử - trần thuật” cổ điển

bằng “lịch sử - văn đề”; là ý định thay thế “lịch sử bộ phận” bằng “lịch sử toàn thể”, tức là mô tả mối liên hệ có trong các lĩnh vực xã hội, kinh tế, văn hóa. Trường phái này tập trung làm rõ tính chỉnh thể của toàn thể xã hội, vạch ra các cấu trúc sâu xa, tồn tại trong một khoảng thời gian dài. Cách tiếp cận này đòi hỏi phải thu hút các khoa học giáp ranh như xã hội học, dân tộc học, địa lý học, v.v..

- Trường phái Amsterdam (Hà Lan): Hình thành vào nửa đầu thế kỷ XX. Các đại diện tiêu biểu là H. Nibure, T.S. Vandebeey, I. Pharenphor. Trường phái này đặt trọng tâm vào việc hình học hóa có so sánh lịch sử đối với các hiện tượng văn hóa trong nghiên cứu dân tộc học. Do đó, nó xem xét tỉ mỉ các biến thể về không gian, thời gian của các hiện tượng như chiến tranh, chế độ nô lệ, các tín ngưỡng nguyên thủy.

- Trường phái nhân học - địa lý: Được thành lập ở Đức dưới sự lãnh đạo của nhà địa lý học Ratxen vào đầu thế kỷ XX. Trường phái này đặt mục tiêu nghiên cứu các mối quan hệ giữa con người với môi trường xung quanh, trong đó yếu tố địa lý được coi là điểm xuất phát để giải thích và nghiên cứu khoa học. Xét ở góc độ khoa học, trường phái này chuyển từ chủ nghĩa tiến hóa sang lý luận về các vòng tròn văn hóa. Những “ý niệm hình thức”, “nguyên tắc tính liên tục”... phản ánh cách tiếp cận vòng tròn văn hóa của trường phái này trên cơ sở thuyết tiến hóa.

- Trường phái lịch sử tinh thần: Xuất hiện tại Đức vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Nó phát triển trên cơ sở trào lưu triết học đời sống của Nitson, Dinthay... Trường phái này đặt nhiệm vụ nêu lên “lịch sử của tinh thần” với tư cách là lịch sử các tư tưởng, các tâm trạng, các hình ảnh độc lập và cá biệt, các loại hình thể giới quan và nhân cách.

- Trường phái lịch sử - văn hóa: Hình thành vào nửa đầu

thế kỷ XX tại nhiều nước phương Tây. Xét về nhận thức khoa học, trường phái này dựa vào thuyết Kant mới và quan niệm của Dilthey phân định giữa “khoa học tự nhiên” và “khoa học tinh thần”. Theo đó, khoa học tự nhiên dựa vào các phương pháp tìm quy luật và phổ quát hóa, trong khi đó, khoa học tinh thần nhận thức con người với tư cách chủ thể tinh thần sáng tạo và những gì nó sáng tạo ra trong lịch sử; để nhận thức được như vậy, khoa học tinh thần dựa vào phương pháp ghi ý và sự thấu hiểu.

- Văn hóa học mácxít, đặc biệt là văn hóa học Xôviết đã kế thừa những quan điểm tiến bộ trong văn hóa học phương Tây vào các thập kỷ 60 - 80 của thế kỷ XX, dựa trên cơ sở của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Các nhà khoa học thuộc trường phái này đã có nhiều công trình nghiên cứu sâu sắc và toàn diện về văn hóa với ba hướng tiếp cận chủ yếu:

+ Hướng tiếp cận giá trị: Xem văn hóa như tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần đã và đang được con người sáng tạo ra khác với tự nhiên;

+ Hướng tiếp cận nhân cách: Xem văn hóa như một phạm trù, một thuộc tính của nhân cách. Văn hóa hướng vào việc phát triển những năng lực người, bộc lộ trình độ phát triển của con người;

+ Hướng tiếp cận hoạt động: Khẳng định hoạt động chứ không phải là những giá trị được coi là yếu tố cơ bản của văn hóa.

Ngoài những trường phái lý thuyết để khuôn định nội hàm khái niệm văn hóa, chúng ta còn thấy nhiều cách giải thích khác nhau về khái niệm này. Một trong những khái niệm thường được đề cập nhiều nhất ở nước ta là cách hiểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hóa. Định nghĩa của

Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hoá: "Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá"<sup>1</sup>. Năm 2002, UNESCO đã đưa ra định nghĩa về văn hóa như sau: Văn hóa nên được đề cập đến như là một tập hợp của những đặc trưng về tâm hồn, vật chất, tri thức và xúc cảm của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội và nó chứa đựng, ngoài văn học và nghệ thuật, cả cách sống, phương thức chung sống, hệ thống giá trị, truyền thống và đức tin.

Như vậy, có rất nhiều cách hiểu khác nhau về văn hóa, ở đây chúng tôi xin đưa ra khái niệm về văn hóa như sau:

Theo nghĩa *rộng*, văn hóa bao gồm tám lĩnh vực (như đã nêu trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, trong đó có cả lĩnh vực giáo dục, khoa học, tín ngưỡng tôn giáo...). Tuy không triển khai theo hướng mở rộng này, nhưng trong một số bối cảnh cụ thể, chúng tôi có thể xem xét văn hoá theo nghĩa rộng.

Theo nghĩa *hẹp*, văn hoá bao gồm các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hoá - Thông tin (trước đây) và Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (hiện nay).

## **2. Khái niệm quản lý văn hóa**

### *a) Khái niệm quản lý*

Bản thân khái niệm quản lý có tính đa nghĩa nên có sự khác biệt giữa nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Hơn nữa, do sự khác

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr. 458.

biệt về thời đại, xã hội, chế độ, nghề nghiệp nên quản lý cũng có nhiều giải thích, lý giải khác nhau. Cùng với sự phát triển của phương thức xã hội hoá sản xuất và sự mở rộng trong nhận thức của con người thì sự khác biệt về nhận thức và lý giải khái niệm quản lý càng trở nên rõ rệt.

Xuất phát từ những góc độ nghiên cứu khác nhau, rất nhiều học giả trong và ngoài nước đã đưa ra giải thích không giống nhau về quản lý. Cho đến nay, vẫn chưa có một định nghĩa thống nhất về quản lý. Đặc biệt là kể từ thế kỷ XXI, các quan niệm về quản lý lại càng phong phú. Các trường phái quản lý học đã đưa ra những định nghĩa về quản lý như sau:

- Taylor: "Làm quản lý là bạn phải biết rõ: muốn người khác làm việc gì và hãy chú ý đến cách tốt nhất, kinh tế nhất mà họ làm".

- Fayol: "Quản lý là một hoạt động mà mọi tổ chức (gia đình, doanh nghiệp, chính phủ) đều có, nó gồm năm yếu tố tạo thành là: kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, điều chỉnh và kiểm soát. Quản lý chính là thực hiện kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo điều chỉnh và kiểm soát ấy".

- Hard Koont: "Quản lý là xây dựng và duy trì một môi trường tốt giúp con người hoàn thành một cách hiệu quả mục tiêu đã định".

- Peter F. Druker: "Suy cho cùng, quản lý là thực tiễn. Bản chất của nó không nằm ở nhận thức mà là ở hành động; kiểm chứng nó không nằm ở sự logic mà ở thành quả; quyền uy duy nhất của nó là thành tích".

- Peter F. Dalark: "Định nghĩa quản lý phải được giới hạn bởi môi trường bên ngoài nó. Theo đó, quản lý bao gồm ba chức năng chính là: quản lý doanh nghiệp, quản lý giám đốc, quản lý công việc và nhân công".

Chủ trương của Peter F. Dalark là giới hạn doanh nghiệp

từ góc độ xã hội, lấy quản lý làm chức năng chính của doanh nghiệp. Vì thế, quản lý trở thành chức năng và vai trò của tổ chức xã hội, thông qua các doanh nghiệp góp phần xây dựng chế độ xã hội mới để đạt được mục tiêu lý tưởng là "một xã hội tự do và phát triển". Nếu không có quản lý hiệu quả thì doanh nghiệp không thể tồn tại và từ đó không thể xây dựng một xã hội tự do và phát triển.

Từ đó có thể thấy, cơ sở chính trong giải quyết độ khó của vấn đề là "quan điểm về hệ thống", cơ sở chính trong giải quyết độ khó về thời gian là "quan điểm về sự chuyển động". Như vậy, đặc điểm lớn nhất trong lý luận của Peter F. Dalark là cách nhìn hệ thống mở và chuyển động. Đây cũng là quan niệm cốt lõi trong tư tưởng triết học về quản lý của ông.

Tóm lại, quản lý là quan niệm chứ không phải kỹ thuật, là một quá trình chứ không phải hoạt động, là tự do chứ không phải bị khống chế, là nhiệm vụ thực tế chứ không phải lý luận; là thành tích chứ không phải tiềm năng, là trách nhiệm chứ không phải quyền lực; là cống hiến chứ không phải thăng tiến; là cơ hội chứ không phải chướng ngại; là đơn giản chứ không phải phức tạp, v.v..

Mọi hoạt động quản lý đều phải do năm yếu tố cơ bản sau cấu thành:

- Chủ thể quản lý: Do ai quản lý?
- Khách thể quản lý: Quản lý cái gì?
- Mục đích quản lý: Quản lý vì cái gì?
- Môi trường và điều kiện tổ chức: Quản lý trong hoàn cảnh nào?
- Biện pháp quản lý: Quản lý bằng cách nào?

Quản lý chính là lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện, chỉ huy, tiến hành, kiểm soát; và nếu lý giải một cách đơn giản như vậy thì quản lý lại trở thành một hành động cụ thể mà

mất đi bản chất thống nhất của nó. Định nghĩa quản lý nên phản ánh khách quan đặc trưng cơ bản của hoạt động quản lý, thể hiện bản chất quản lý, hay có thể nói, trong định nghĩa về quản lý nhất định phải đề cập đến bản chất của quản lý là theo đuổi năng suất, hiệu quả.

Quản lý không đơn giản chỉ là khái niệm, nó là sự kết hợp của ba phương diện:

*Thứ nhất*, thông qua tập thể để thúc đẩy tính tích cực của cá nhân.

*Thứ hai*, điều hoà quan hệ giữa người với người, giảm mâu thuẫn giữa hai bên.

*Thứ ba*, tăng cường hợp tác hỗ trợ lẫn nhau, thông qua hỗ trợ để làm được những việc mà một cá nhân không thể làm được, thông qua hợp tác tạo ra giá trị lớn hơn giá trị cá nhân - giá trị tập thể.

Khái niệm quản lý là một lĩnh vực đặc thù của quản lý nói chung. Nhìn chung, như ta đã khái quát ở trên, quản lý là một hoạt động nhằm bảo đảm sự vận hành của một hệ thống, một tổ chức một cách liên tục, đúng chức năng. Chúng ta cũng thường nói đến quản lý với tư cách là một khoa học, trong đó quản lý: Dựa trên cơ sở vận dụng các quy luật phát triển của các đối tượng khác nhau, quy luật tự nhiên hay xã hội (...). Những hình thức quản lý có ý thức luôn gắn liền với hoạt động có mục tiêu, có kế hoạch của những tập thể lớn hay nhỏ của con người và được thực hiện qua những thể chế xã hội đặc biệt. Mục đích, nội dung, cơ chế và phương pháp quản lý xã hội tùy thuộc vào chế độ chính trị - xã hội<sup>1</sup>.

---

1. Nguyễn Tri Nguyên: “Chính sách văn hóa - điều kiện chung của quản lý văn hóa”, *Thông báo khoa học*, Viện Nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật, số 3, 2001, tr. 580.

Ngoài ra, khái niệm quản lý còn được định nghĩa như một công việc nhằm tạo ra sự thống nhất ý chí, các hoạt động trong tổ chức cụ thể, thể hiện ở những lĩnh vực sau:

- Định hướng sự phát triển của tổ chức trên cơ sở xác định mục tiêu chung và hướng mọi nỗ lực của cá nhân, của tổ chức vào mục tiêu chung đó.

- Tổ chức, điều hoà, phối hợp và hướng dẫn hoạt động của các cá nhân trong tổ chức, giảm độ bất định nhằm đạt được mục tiêu quản lý.

- Tạo động lực cho mọi cá nhân trong tổ chức bằng cách kích thích, đánh giá, khen thưởng những người có công, uốn nắn những lệch lạc, sai sót của cá nhân trong tổ chức nhằm giảm bớt những thất thoát, sai lệch trong quá trình quản lý.

- Tạo môi trường và điều kiện cho sự phát triển cá nhân và tổ chức, bảo đảm phát triển ổn định, bền vững và hiệu quả<sup>1</sup>.

- Để tiến hành công việc quản lý, chúng ta phải dựa vào các phương tiện và chính sách về luật pháp, tài chính, nghiên cứu khoa học, phát triển nguồn nhân lực để đạt được những mục tiêu quản lý đề ra.

#### *b) Khái niệm quản lý văn hoá*

Nhìn chung, chúng ta thường hiểu rằng, quản lý văn hoá là công việc của Nhà nước được thực hiện thông qua việc ban hành, tổ chức thực hiện, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hoá,

---

1. Nguyễn Trúc Tân: “Công tác quản lý ngành văn hóa thông tin trong giai đoạn hiện nay, mấy suy nghĩ”, tạp chí *Văn hóa nghệ thuật*, số 8, 2001, tr. 86.

đồng thời nhằm góp phần phát triển kinh tế, xã hội của từng địa phương nói riêng, cả nước nói chung.

*Ngoài ra, quản lý văn hoá* còn được hiểu là sự tác động chủ quan bằng nhiều hình thức, phương pháp của *chủ thể* quản lý (các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể, các cơ cấu dân sự, các cá nhân được trao quyền và trách nhiệm quản lý) đối với *khách thể* (là mọi thành tố tham gia và làm nên đời sống văn hoá) nhằm đạt được *mục tiêu* mong muốn (bảo đảm văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, nâng cao vị thế quốc gia, cải thiện chất lượng sống của người dân...).

Quản lý văn hóa bao gồm những nội dung chính sau đây:

- + Xác lập hệ quan điểm chủ đạo (hệ tư tưởng chính trị, kinh tế, xã hội, đạo đức...), những nguyên tắc cơ bản xây dựng và phát triển văn hoá - là cơ sở của việc xác lập nội dung và phương thức quản lý văn hóa... (trong các văn kiện chính thức của Đảng, Hiến pháp, trong Chiến lược phát triển văn hoá của Chính phủ).

- + Bộ máy tổ chức, cán bộ thực hiện chức năng quản lý văn hóa từ Trung ương đến địa phương và theo các lĩnh vực.

- + Cơ chế phối hợp liên ngành (bộ, ban, ngành, đoàn thể, cơ cấu dân sự...).

- + Hệ thống pháp luật (luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư, chỉ thị, văn bản hướng dẫn, quy chế, quy tắc, quy định...).

- + Hệ thống chính sách trên từng lĩnh vực (lối sống, nếp sống, văn học - nghệ thuật, di sản văn hoá, văn hoá dân tộc...) và theo địa bàn lãnh thổ (Trung ương - địa phương, đô thị - nông thôn, đồng bằng - miền núi, trong nước - ngoài nước...). Cần lưu ý đến tầm quan trọng của các chính sách đầu tư phát triển các nguồn lực (đặc biệt là *đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực*) và phương tiện cho văn hoá.

- + Công tác giám sát, kiểm tra, khen thưởng và xử lý vi phạm.

### **3. Quan hệ giữa Đảng và Nhà nước trong quản lý văn hoá**

Một đặc điểm khá rõ của xã hội Việt Nam đương đại là vai trò nổi bật của Đảng và Nhà nước trên mọi lĩnh vực với tư cách là lực lượng dẫn dắt, điều tiết và thực thi các nhiệm vụ mang tầm vóc quốc gia. Một đặc điểm nổi bật của thực tiễn Việt Nam hơn nửa thế kỷ qua là vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trên vũ đài chính trị, cũng như trên mọi lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội. Đây không phải là ý muốn riêng của một ai, là sự “áp đặt” của một nhóm người nào, mà là một tất yếu khách quan của lịch sử, của toàn dân ta đối với công lao, vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đảm đương trên thực tế trong suốt các thập kỷ qua. Lĩnh vực văn hóa cũng không phải ngoại lệ. Trong phạm vi quản lý văn hóa, Đảng và Nhà nước có vai trò không thể thay thế trong việc quản lý những vấn đề văn hóa quốc gia nhằm bảo đảm phát triển văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và bền vững theo mục tiêu chung của Liên hợp quốc. Cụ thể, vai trò của Nhà nước được thể hiện qua một số công việc cụ thể:

1. Đảng và Nhà nước đóng vai trò xác lập và định hướng phát triển cho các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình. Vai trò này được khẳng định khi Đảng và Nhà nước phân biệt những cái gì cần gìn giữ, phát huy và những gì lạc hậu, lỗi thời, cần loại bỏ dần khỏi đời sống. Ở đây, cần phải thấy rằng, dù văn hóa dân tộc có sự đa dạng, sự khác biệt đến thế nào thì ở cội nguồn của nó vẫn có sự thống nhất sâu xa ở tính nhân bản, ở sự mưu cầu hòa bình, hạnh phúc, công bằng, tự do. Bởi vậy, cần áp dụng thước đo chung của những giá trị văn hóa vĩnh hằng cao cả nhất của

nhân loại để căn cứ vào đó mà loại bỏ dần những gì là lạc hậu, lỗi thời, phản tiến hóa trong di sản văn hóa truyền thống riêng biệt của mỗi dân tộc đã được quy định cụ thể trong Nghị định của Chính phủ về việc thi hành *Luật di sản văn hóa* của Việt Nam (2001).

2. Với việc có trong tay một nguồn lực tài chính, nhà nước (đặc biệt là nhà nước ở các quốc gia châu Á) có điều kiện to lớn để chủ động đầu tư phát triển văn hóa của mình. Khuyến cáo của UNESCO đã nêu rõ: Chính phủ các nước cần có sự đầu tư cho văn hóa không dưới 2% tổng thu nhập quốc dân. Đây là một yêu cầu rất cao mà không phải quốc gia nào cũng thực hiện được. Ở Việt Nam, tại Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX (7-2004), Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ ra sự cần thiết phải nâng dần tỷ lệ đầu tư cho văn hóa từ ngân sách nhà nước lên ít nhất là 1,8%.

Đầu tư của Đảng và Nhà nước trong văn hóa đã tập trung vào các lĩnh vực đào tạo nhân lực, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, bảo tồn các di sản văn hóa dân tộc (vật thể và phi vật thể), tạo điều kiện thuận lợi cho các nghệ sĩ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của người dân ở mọi vùng miền của đất nước, xây dựng và phát triển nền công nghiệp văn hóa để đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của nhân dân, tiến hành các biện pháp “xóa mù kỹ thuật số” cho mọi người dân để họ có thể dễ dàng tiếp cận với các thành quả của nền công nghiệp thông tin trong từng quốc gia và trên thế giới.

3. Đảng và Nhà nước đóng vai trò không thể thay thế trong việc giải quyết những vấn đề giao lưu văn hóa. Trong lĩnh vực này, Nhà nước tham gia các cuộc thảo luận quốc tế nhằm tiến tới sự đồng thuận về các quy tắc, tiêu chuẩn, thông lệ ở cấp độ quốc gia và cấp độ quốc tế trong giao lưu

và hợp tác quốc tế. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, Nhà nước kiên trì nguyên tắc bảo hộ đối với các sản phẩm của nền công nghiệp văn hóa của nước mình. Bởi sản phẩm văn hóa không phải là một hàng hóa thông thường mà trước hết là một sản phẩm mang giá trị tinh thần đặc trưng của mỗi nhóm người, mỗi dân tộc. Đây không chỉ là trách nhiệm cụ thể của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch mà còn là trách nhiệm của các ngành Ngoại giao, Thương mại, v.v..

4. Đảng và Nhà nước đóng vai trò định hướng sự nghiệp văn hóa thực sự trở thành sự nghiệp của toàn dân, của mọi dân tộc, mọi nhóm dân cư, của mọi người. Nhân dân thực sự trở thành chủ thể sáng tạo văn hóa, đồng thời là khách thể hưởng thụ các thành tựu văn hóa. Nhà nước thực hiện trách nhiệm là không trực tiếp bao biện, làm thay các công việc cụ thể của sự nghiệp phát triển văn hóa mà chủ yếu đóng vai trò chủ thể xác lập định hướng đúng đắn cho sự phát triển văn hóa, hoạch định các chính sách trên từng lĩnh vực hoạt động cụ thể, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động văn hóa nằm trong tầm kiểm soát sao cho có thể phục vụ lợi ích chung của toàn xã hội, toàn dân tộc và của mỗi nhóm người.

Chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đã và sẽ là nhân tố quyết định mọi thành công. Riêng trong lĩnh vực văn hóa, đường lối của Đảng và sự quản lý của Nhà nước chắc chắn sẽ dẫn dắt nhân dân ta đạt được mục tiêu tổng quát của sự nghiệp văn hóa là phát huy tinh thần yêu nước, nâng cao ý thức độc lập, tự chủ tự cường, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; xây dựng và phát triển một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và các lĩnh vực

hoạt động xã hội, đem lại cuộc sống có chất lượng cao cho từng cá nhân, gia đình, tập thể, cộng đồng; góp phần tạo ra trên đất nước ta đời sống tinh thần phong phú, dân trí, khoa học phát triển; tạo lập vị thế xứng đáng của đất nước ta trên trường quốc tế ở thời kỳ mới.

#### **4. Vai trò các tổ chức dân sự trong quản lý văn hóa**

Để trở thành một thiết chế văn hóa, cần có ít nhất bốn yếu tố: *một là*, có một bộ máy dân sự được tổ chức thành hệ thống; *hai là*, có thể chế (luật, lệ) để hình thành; *ba là*, có trụ sở và các trang thiết bị chuyên dụng là cơ sở vật chất để tồn tại và hoạt động lâu dài; *bốn là*, có sự tham gia của người dân. Như vậy, các tổ chức dân sự là một trong bốn yếu tố quan trọng để hình thành thiết chế văn hóa, bảo đảm thực hiện các mục tiêu văn hóa do Đảng và Nhà nước đề ra. Cụ thể, các tổ chức dân sự có những vai trò như sau:

1. Tổ chức các hoạt động sản xuất (sáng tạo) trong lĩnh vực văn hóa (bao gồm cả việc nghiên cứu khoa học), tạo ra những sản phẩm văn hóa, những công trình nghệ thuật, những phát minh khoa học làm giàu thêm cho cuộc sống con người.

2. Tổ chức sưu tầm và bảo quản vốn di sản văn hóa của dân tộc.

3. Kịp thời truyền đạt những giá trị văn hóa của dân tộc cũng như của nhân loại đến với mọi người, nhanh chóng nâng cao trình độ dân trí cho người lao động, để có thể tiếp cận thuận lợi với những thành tựu mới nhất trong khoa học và công nghệ.

4. Tổ chức tốt đời sống văn hóa trong các cộng đồng dân cư, tạo nên tâm lý vui tươi trong lao động xây dựng đất nước, bảo đảm định hướng tư tưởng đúng đắn của Đảng trong mọi sinh hoạt tinh thần của xã hội.

Thực tế cho thấy, các tổ chức dân sự đã có những vai trò quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Trong các thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu, là nhân tố có ý nghĩa quyết định, bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong giai đoạn cách mạng nước ta chưa giành được chính quyền về tay nhân dân, Mặt trận là nơi tập hợp, huy động sức mạnh của toàn quân, toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng để tiến hành đấu tranh giành chính quyền về tay nhân dân. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 gắn liền với sự nghiệp của Mặt trận Việt Minh. Thành tích của Mặt trận Việt Minh chính là sự kế tục sự nghiệp cách mạng đã được chuẩn bị từ trước của Hội phản đế đồng minh (1930-1936) và của Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936-1939). Tiếp theo Mặt trận Việt Minh là Mặt trận Liên Việt (hợp nhất từ Mặt trận Việt Minh và Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam) đã góp phần đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã cùng với Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Liên minh các lực lượng dân tộc dân chủ và hòa bình Việt Nam đoàn kết nhân dân cả nước làm tròn sứ mệnh lịch sử vẻ vang giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước. Từ khi nước nhà được độc lập và thống nhất, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giữ vai trò quan trọng trong việc củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hiện nay, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đều hướng về cơ sở với những hoạt động thiết thực như: vận động, hướng dẫn và giúp đỡ nhân dân phát triển kinh tế gia đình, xoá đói giảm nghèo. Nhờ đó, đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện, nâng cao. Qua sự vận động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đã tập hợp được sự đoàn kết, ủng hộ giúp đỡ trong toàn xã hội đối với những người nghèo, giúp nhiều gia đình nghèo được xoá nghèo và có điều kiện nâng cao cuộc sống. Những cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước ngày càng được các tầng lớp nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ, tiêu biểu như: Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” ở khu dân cư. Các phong trào Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, Thanh niên tình nguyện, các phong trào xã hội học tập, thực hiện xã hội hoá trên các lĩnh vực văn hoá, giáo dục, y tế, giao thông nông thôn... tiếp tục được mở rộng. Thông qua các phong trào thi đua yêu nước đã xuất hiện nhiều điển hình gương người tốt, việc tốt. Hệ thống chính trị ở cơ sở được kiện toàn và củng cố.

## II- MỐI QUAN HỆ GIỮA QUẢN LÝ VĂN HÓA VÀ MỘT SỐ LĨNH VỰC CHỦ YẾU

Trên bình diện chế độ xã hội, văn hóa là kết quả của sự tương tác giữa các giá trị trong những quan hệ sống. Sự phát triển của văn hóa chịu sự quy định của cơ sở kinh tế, chính trị của một chế độ xã hội nhất định. Một trong những khía cạnh quan trọng trong hoạt động văn hóa đó chính là vấn đề quản lý văn hóa. Quản lý văn hóa là công việc của Nhà nước được thực hiện thông qua việc ban hành, tổ chức thực hiện, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các văn bản quy phạm

pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, đồng thời nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Thực chất, quản lý văn hóa là một bộ phận của quản lý phát triển xã hội.

Trong phần này, chúng ta xem xét mối quan hệ giữa quản lý văn hóa với một số lĩnh vực của đời sống xã hội như: quản lý văn hóa và chính trị, quản lý văn hóa và pháp luật, quản lý văn hóa và kinh tế, quản lý văn hóa và thông tin truyền thông, quản lý văn hóa và thể thao, quản lý văn hóa và du lịch, quản lý văn hóa và gia đình và mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại trong văn hóa.

### **1. Quản lý văn hóa và chính trị**

Chính trị là lĩnh vực phức tạp nhất của đời sống vì nó nằm ở trung tâm của những va chạm và xung đột xã hội, ảnh hưởng đến các lợi ích thiết thân và sinh mạng của hàng triệu con người, đã và đang ảnh hưởng đến mọi mặt của đời sống xã hội. Văn hóa hiện diện và thấm thấu vào mọi khía cạnh của cuộc sống con người như một yếu tố không thể thiếu được của tổng thể xã hội. Văn hóa hiện diện trong đời sống chính trị, là một cấu thành cơ bản của đời sống đang thu hút mối quan tâm lớn của tri thức khoa học xã hội và nhân văn hiện đại nhằm hình thành hệ thống tri thức đặc trưng cho một chuyên ngành khoa học mới là văn hóa chính trị. Bởi không ở đâu khác mà chính là ở trong lĩnh vực chính trị thì đời sống, thân phận, diện mạo của cá nhân và cộng đồng mới được quyết định một cách hết sức sâu sắc và trực tiếp. V.I. Lênin quan niệm: “chính trị vừa là một khoa học vừa là một nghệ thuật”. Chính trong lĩnh vực chính trị này đòi hỏi sự huy động rất cao các năng lực của bản chất con người. Trong môi trường lịch sử, chính trị là một trong những phương thức cơ bản, thông qua đó con người và xã hội tiến hành và thực hiện

biểu đạt các giá trị văn hóa của mình. Trong mỗi nền văn hóa, hoạt động chính trị là một phương thức sáng tạo, chuyên chở, lưu giữ, tiếp biến và phát triển các hệ giá trị văn hóa. Mối quan hệ giữa văn hóa và chính trị được thể hiện qua hai phương diện cụ thể:

*Thứ nhất, chủ thể của văn hóa.*

Đề cập đến văn hóa là đề cập đến vấn đề con người. Trong văn hóa chính trị, chủ thể quan trọng của chính trị là các cán bộ chính trị. Cán bộ luôn được xem là một nhân tố quyết định sự thành công hay thất bại của sự nghiệp cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết: “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, “công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”. Thực tiễn cách mạng Việt Nam cho thấy, nguồn lực cán bộ đã đóng vai trò to lớn như thế nào vào những thắng lợi vĩ đại của đất nước. Trong hoàn cảnh phức tạp hiện nay, người cán bộ hơn lúc nào hết cần phải trau dồi phẩm chất và năng lực. Lãnh đạo chính trị là làm việc với những con người, với những tầng lớp và tổ chức xã hội khác nhau, có những nguyện vọng, tâm lý tình cảm, nhu cầu khác nhau, đôi khi đối lập nhau. Điều đó đòi hỏi cán bộ lãnh đạo phải rất hiểu biết con người và từng tập đoàn người, phải có sự nhạy bén về chính trị, có năng lực tiếp xúc, đàm thoại và đối thoại chính trị, có sáng kiến và khả năng ra những quyết định chính xác đáp ứng đúng với mỗi tình thế xã hội. Lãnh đạo phải là những người cao quý, sáng suốt và hiểu biết. Để trở thành những nhà lãnh đạo đúng nghĩa như vậy, tất yếu đòi hỏi nguồn lực văn hóa chính trị thật dồi dào.

*Thứ hai, khách thể của văn hóa.*

Môi trường chính trị chính là một khách thể chịu tác động của văn hóa, đồng thời cũng tác động ngược trở lại văn hóa. Đi từ khái niệm, môi trường văn hóa chính trị chính là kinh

nghiệm lịch sử, ký ức cộng đồng xã hội; là phong tục, tập quán, thói quen và các xu hướng ảnh hưởng đến hành vi của cá nhân, nhóm cá nhân trong hoạt động chính trị. Các bộ phận của văn hóa chính trị là: văn hóa chính trị truyền thống và văn hóa chính trị hiện đại. Văn hóa chính trị truyền thống chính là chủ nghĩa tập thể, tư tưởng cố kết cộng đồng, tính cục bộ địa phương... Văn hóa chính trị hiện đại chính là tính chất “cộng hòa xã hội chủ nghĩa”. Tính chất này được thể hiện chủ yếu qua sự tham gia rộng rãi của các lực lượng xã hội vào hoạt động chính trị. Tổng tuyển cử năm 1946 bầu ra Quốc hội là bước khởi đầu của dân chủ. Cũng trong năm đó, Hiến pháp đã được ban hành. Qua nhiều lần sửa đổi bổ sung, *Luật bầu cử đại biểu Quốc hội* đã có nhiều thay đổi thể hiện rõ nét tính chất dân chủ. Chính môi trường chính trị này đã có những tác động không nhỏ đến đời sống văn hóa - xã hội. Với mỗi một thể chế chính trị khác nhau, đời sống văn hóa - xã hội lại có những diện mạo mới, phong phú và đa dạng.

Ở phương diện khác, chính trị là yếu tố căn bản tạo tiền đề cho quản lý văn hóa. Như đã định nghĩa, một trong những nội dung căn bản của quản lý văn hóa là xác lập hệ quan điểm chủ đạo (hệ tư tưởng chính trị, kinh tế, xã hội, đạo đức...) được thể hiện trong các văn kiện chính thức của Đảng, Hiến pháp và trong chiến lược phát triển văn hóa của Chính phủ. Chính vì vậy, trên thực tế, chính trị tạo định hướng cho quản lý văn hóa ở mọi quy mô và mức độ khác nhau. Từ định hướng chung của chính trị, các chính sách về văn hóa được ra đời và thực thi trong bối cảnh xã hội cụ thể, và từ đó văn hóa được phát triển theo một định hướng cụ thể. Lấy ví dụ, trong bối cảnh Đảng ta đang tiến hành đấu tranh giành chính quyền, việc *Đề cương về văn hóa Việt Nam* của Đảng ra đời năm 1943 nhấn mạnh ba nguyên tắc xây dựng nền văn hóa:

dân tộc - khoa học - đại chúng, đã là kim chỉ nam cho các chính sách quản lý văn hóa của nước ta trong một thời kỳ và cả thời gian dài sau đó. Từ những chủ trương chung này, các chính sách trong các lĩnh vực như bảo tồn di sản, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, biểu diễn nghệ thuật,... được triển khai trong cuộc sống. Những thay đổi trong đời sống chính trị, vì thế, cũng được phản ánh trong chính sách về quản lý văn hóa. Hay chẳng hạn, chính sách đổi mới do Đảng ta phát động và tiến hành từ năm 1986 cũng được phản ánh rõ nét trong những thay đổi của hoạt động quản lý văn hóa: từ những cách thức trong thay đổi cơ chế quản lý các đơn vị nghệ thuật, chính sách xã hội hóa các hoạt động văn hóa, tổ chức quản lý và tổ chức các sự kiện văn hóa...

Tuy nhiên, mối quan hệ này không phải mang tính một chiều, mang tính áp đặt. Chính trị ngoài việc xây dựng, hình thành nên nền tảng cho quản lý văn hóa, còn chịu sự chi phối của chính một nền văn hóa nhất định nói chung, và quản lý văn hóa nói riêng. Có nghĩa là, sinh hoạt chính trị luôn được vận hành trên cơ sở của một nền văn hóa. Nền văn hóa ấy (trong đó có quản lý văn hóa) góp phần hình thành nên đời sống chính trị của một cộng đồng cụ thể. Chẳng hạn, với truyền thống văn hóa mang đặc trưng vùng miền, sinh hoạt chính trị cũng cần lưu ý đến tính đại diện văn hóa ấy. Hoặc đối với một số cộng đồng nhất định, nơi mà truyền thống coi trọng những nhân vật nổi bật của cộng đồng về tuổi tác, học vấn, giới tính... thì chúng ta phải luôn chú ý đến vai trò và đóng góp của họ trong các sinh hoạt chính trị ở địa phương.

## **2. Quản lý văn hoá và pháp luật**

Mối quan hệ giữa văn hóa và pháp luật là mối quan hệ hai chiều. Trong nhiều trường hợp, văn hóa điều chỉnh hành vi của

con người mạnh hơn cả pháp luật. Do đó, pháp luật hay mọi kế ước xã hội nên được xây dựng dựa trên những kinh nghiệm văn hóa chứ không phải chỉ là những quy định pháp lý. Để xây dựng một hệ thống pháp luật với tinh thần như vậy, chúng ta cần thừa nhận tính đa dạng tự nhiên của cuộc sống và bảo đảm tính đa khuynh hướng của văn hóa. Đó là một nền văn hóa lành mạnh - nền tảng của một hệ thống pháp luật lành mạnh. Nhưng, điều quan trọng là cần phải ý thức được rằng, văn hóa và pháp luật lành mạnh đều phải hướng tới bảo vệ các giá trị tự do của con người. Chỉ khi làm được như vậy, con người mới đạt đến trạng thái phát triển thực sự.

Văn hóa có một ảnh hưởng không thể phủ nhận đối với pháp luật. Văn hóa chính là thước đo của cuộc sống, do đó, việc xây dựng pháp luật, theo lẽ tự nhiên, phải dựa trên những kinh nghiệm văn hóa, tức là pháp luật phải có khả năng chuyển hóa thành văn hóa để điều chỉnh cuộc sống. Nhưng thực tế, ở một số nơi trên thế giới, hệ thống pháp luật tỏ ra chưa tương thích với cuộc sống. Phải chăng yếu tố văn hóa, ở những nơi đó, đã bị tách rời khỏi pháp luật hay bản thân pháp luật được xây dựng trên một nền văn hóa phi tự nhiên? Phải khẳng định ngay rằng, một nền văn hóa phi tự nhiên chắc chắn sẽ dẫn đến một hệ thống pháp luật phi tự nhiên. Bởi lẽ, văn hóa chính là cuộc sống; do đó, khi làm biến dạng văn hóa, những người cầm quyền đã làm biến dạng cả cuộc sống. Không những thế, điểm yếu quan trọng nhất của nền văn hóa phi tự nhiên là tính đơn giản; chính nó đã tiêu diệt sự đa dạng của đời sống.

Pháp luật cũng có những ảnh hưởng nhất định đối với văn hóa. Với tư cách là công cụ điều chỉnh hành vi của con người, một hệ thống pháp luật không chuẩn sẽ tạo ra những hành vi lệch chuẩn. Tư duy cũng là một loại hành vi, và do đó, hệ

thống pháp luật không chuẩn còn tạo ra cả những lệch chuẩn tư duy. Với thời gian, những hành vi và tư duy lệch chuẩn trở thành những thói quen và củng cố thêm cho nền văn hóa vốn đã lệch chuẩn đó. Một dân tộc sở hữu cả nền văn hóa dị dạng lẫn hệ thống pháp luật không chuẩn như vậy là một dân tộc bị coi như đã chết về mặt văn hóa hay chết về đời sống tinh thần.

Như vậy, một hệ thống pháp luật tiên tiến phải là một hệ thống pháp luật lành mạnh và được xây dựng trên một nền văn hóa lành mạnh. Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay, nền văn hóa lành mạnh ấy còn phải là một nền văn hóa mở. Để đạt được hệ thống pháp luật như vậy, chúng tôi cho rằng, cần một số nguyên tắc như sau:

*Nguyên tắc thứ nhất*, là tinh thần tự do trong pháp luật. Xã hội nào cũng cần pháp luật như một công cụ điều chỉnh hành vi của con người trong các lĩnh vực khác nhau của cuộc sống, nhưng trên thực tế, con người chịu sự điều chỉnh của văn hóa nhiều hơn là pháp luật vì con người luôn hành động theo tập quán, theo thói quen... Không những thế, ngay cả trong trường hợp pháp luật được sử dụng để áp đặt hành vi của con người thì con người vẫn hành động theo thói quen, theo những kinh nghiệm văn hóa của mình, và do đó, họ vi phạm pháp luật. Vấn đề đặt ra là, pháp luật nên được xây dựng như thế nào để có thể biến thành văn hóa và đi vào cuộc sống của con người? Nếu pháp luật không biến thành các giá trị văn hóa thì không có tác dụng điều chỉnh hành vi của con người? Chúng tôi cho rằng, để làm được như vậy trước tiên cần phải hiểu tinh thần của pháp luật, đó chính là tự do.

*Nguyên tắc thứ hai*, là văn hóa mở. Một nền văn hóa mở, trước hết, cũng là sản phẩm của tự do. Trong thời đại hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay, mỗi một nền văn hóa, mỗi

một quốc gia không thể tồn tại độc lập với thế giới bên ngoài. Điều đó có nghĩa là, mỗi nền văn hóa, hơn bao giờ hết phải luôn nâng cao năng lực hợp tác với các nền văn hóa khác, tức là nâng cao tính mở của chính mình. Tính mở của các nền văn hóa chính là nguồn gốc của trạng thái hòa bình giữa các dân tộc bởi khi con người hiểu biết và hiểu nhau thì sẽ tránh được rất nhiều sự xung đột. Chính vì vậy, một nền văn hóa có tính mở chính là tạo ra cơ sở để xây dựng nên đời sống hòa bình của nhân loại.

Xét trên khía cạnh hẹp hơn, đối với mỗi cộng đồng, tính mở về văn hóa sẽ góp phần nâng đỡ các cộng đồng lạc hậu đi qua những khó khăn về mặt nhận thức hay đi qua ngưỡng của sự chậm phát triển. Đã đến lúc từng cộng đồng văn hóa phải nhận ra rằng, cơ hội của họ chắc chắn sẽ đến từ việc nâng cao tính mở của nền văn hóa, vì mở cửa về văn hóa sẽ giúp một cộng đồng nâng cao năng lực tiếp nhận các giá trị tiến bộ và loại bỏ những gì lạc hậu và cản trở sự phát triển, cũng tức là nâng cao năng lực cạnh tranh của chính cộng đồng đó. Do đó, một nền văn hóa mở là cơ hội hội nhập vào cộng đồng quốc tế hay cơ hội phát triển của các dân tộc, đặc biệt là các dân tộc lạc hậu.

Bên cạnh đó, mở cửa về văn hóa sẽ tạo ra môi trường tinh thần cởi mở. Môi trường tinh thần cởi mở chính là môi trường nâng đỡ các hệ thống luật pháp tham gia vào quá trình hội nhập. Nếu tạo ra một hệ thống luật pháp không có năng lực hội nhập thì rõ ràng, chúng ta đang bảo vệ tính khu trú của cộng đồng. Chúng ta đều biết rằng, trong luật học có một ngành luật rất nổi tiếng và phức tạp - đó là *Luật so sánh* nhằm phiên dịch sự khác biệt giữa các quy định pháp luật của các cộng đồng, các quốc gia khác nhau. Trong thời kỳ trước những năm 50 của thế kỷ XX, *Luật so sánh* chỉ nhằm so sánh

giữa các quốc gia nhưng đến nay, *Luật so sánh* còn phải so sánh cả các bộ luật quốc gia và các bộ luật quốc tế. Một lúc nào đó, khi sự chênh lệch phát triển giữa các quốc gia được giảm bớt thì những hoạt động quốc tế sẽ được quy định rất giống nhau ở các bộ luật. Khuynh hướng các điều luật trở nên giống nhau và tốc độ giống nhau của chúng sẽ bị chi phối bởi các giá trị mở của nền văn hóa. Việc thừa nhận các giá trị tự do, dân chủ cũng đồng nghĩa là người ta xây dựng luật dựa trên sự thỏa thuận của các thành viên trong cộng đồng. Nếu là những thành viên của một cộng đồng lạc hậu thì không thể có những điều luật tiến bộ được. Do vậy, xây dựng một nền văn hóa mở chính là hạn chế tính lạc hậu của các cộng đồng dân tộc, để tạo ra khả năng có thể tiến đến các thỏa thuận tiến bộ cũng như khả năng hợp tác giữa các dân tộc.

Quản lý văn hóa, hiểu theo nghĩa hẹp của nó, liên quan đến hệ thống pháp luật và chính sách trên từng lĩnh vực của văn hóa. Chính nội dung này quyết định mối quan hệ mật thiết giữa quản lý văn hóa và pháp luật, theo đó quản lý văn hóa luôn dựa trên những nguyên tắc của luật pháp và các cơ sở pháp luật đi liền với nó. Cơ sở pháp luật chính là tiền đề đối với quản lý văn hóa. Chẳng hạn, Luật bản quyền tác giả, Luật điện ảnh, Luật di sản văn hóa... chính là những nguyên tắc trong quản lý văn hóa đối với lĩnh vực liên quan này.

Trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, sinh hoạt văn hóa là những hoạt động khó quản lý nhất. Sở dĩ có điều này là vì nhiều lý do khác nhau như sự đa dạng, tính đa nghĩa hay khó xác định, hay thay đổi của các sinh hoạt, loại hình văn hóa. Ví dụ, việc xác định mê tín hay không mê tín trong các sinh hoạt lên đồng, đốt vàng mã, cách thức quản lý với các loại hình nghệ thuật mới du nhập như installation art (thuộc lĩnh vực của ngành nghệ thuật biểu diễn hay ngành mỹ

thuật)... Nhưng nhờ bản chất của các văn bản luật thường chặt chẽ với các chế tài rõ ràng, nên trong quá trình quản lý văn hóa, việc luôn xem xét các hoạt động văn hóa từ quan điểm chế tài của luật pháp giúp quá trình này trở nên thuận tiện, quy củ và mang tính thống nhất cao.

Quản lý văn hóa cũng có tác động trở lại nhất định đối với pháp luật. Chính trong quá trình tiến hành quản lý trong thực tiễn, những vấn đề phát sinh trở thành những cơ sở để điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của pháp luật hoặc thêm những luật pháp mới. Những điều chỉnh của Luật điện ảnh, Luật di sản văn hóa... gần đây chính là sự phản ánh tác động trở lại của quá trình quản lý văn hóa đối với pháp luật đó.

### **3. Quản lý văn hoá và kinh tế**

Theo định nghĩa, *quản lý văn hoá là công việc của Nhà nước được thực hiện thông qua việc ban hành, tổ chức thực hiện, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hoá, đồng thời nhằm góp phần phát triển kinh tế, xã hội của từng địa phương nói riêng, cả nước nói chung*. Như vậy, phát triển kinh tế chính là một mục tiêu quan trọng trong định hướng và chiến lược quản lý văn hóa của Nhà nước.

Có nhiều nhận thức sai lầm về mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, ảnh hưởng đến công tác quản lý văn hóa của Nhà nước. Đó là nhận thức tăng trưởng kinh tế nhưng ít hoặc không chú ý đúng mức tới việc bảo vệ môi trường sinh thái - nhân văn. Tăng trưởng kinh tế bằng mọi giá, dĩ nhiên phải triệt để khai thác tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản, xem đó là một “lợi thế” của quốc gia để thu hút các nguồn đầu tư trong và ngoài nước. Kết quả là một bộ phận (chủ yếu là các

nhà đầu tư) có thể kiếm được một nguồn lợi nhuận khổng lồ, nhưng tài nguyên khoáng sản bị cạn kiệt, môi trường bị ô nhiễm, sự cân bằng sinh thái bị phá vỡ, cuộc sống của người dân bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Ở nhiều nước trên thế giới và ngay tại Việt Nam, hiện tượng đó đã và đang là những vấn đề nóng bỏng, vô cùng nhức nhối, bức xúc, được dư luận xã hội hết sức quan tâm. Năm 2002, cả nước mới có 80 khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, năm 2005, con số này là 120, năm 2007 con số này đã lên đến 183. Theo khảo sát thực tế, có tới 70% các khu công nghiệp trên toàn quốc chưa có hệ thống xử lý nước thải theo tiêu chuẩn và 90% cơ sở sản xuất đổ thẳng nước thải ra môi trường. Nhiều nhà đầu tư chỉ quan tâm đến kiếm lời, không chú ý đến việc xử lý chất thải công nghiệp độc hại, khói bụi, tiếng ồn.

Nhiều người còn nhận thức sai lầm khi cho rằng tăng trưởng kinh tế không cần chú ý đến tiến bộ và công bằng xã hội. Ở châu Âu, trong khi một nhóm nhỏ giới chủ các công ty tư bản xuyên quốc gia giàu lên chưa từng thấy, thì hàng tỷ người lao động trên hành tinh, bao gồm hàng triệu người ở các nước tư bản phát triển lại rơi vào cảnh thất nghiệp, đói nghèo, thất học và bị gạt ra ngoài lề của sự phát triển. Một thực tế đã và đang diễn ra ở nhiều nước châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh là tăng trưởng kinh tế mà chỉ chú ý tới đô thị, lãng quên hoặc không chú ý tới các vùng khác, nhất là nông thôn, miền núi, vùng sâu vùng xa, đào sâu thêm hố ngăn cách giữa các tầng lớp trong xã hội, các vùng miền, gây ra tình trạng phát triển không đều, dẫn tới mất ổn định chính trị - xã hội, khủng hoảng niềm tin vào lẽ phải và công bằng xã hội. Tại Việt Nam, bước vào thời kỳ đổi mới, mặc dù Đảng ta đã đề ra đường lối phát triển kinh tế - xã hội đúng đắn, đã cảnh báo về bốn nguy cơ: tụt hậu xa hơn về kinh tế, chênh

hướng xã hội chủ nghĩa, nạn tham nhũng và tệ quan liêu, “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, về tình trạng chỉ chú trọng tới tăng trưởng kinh tế, nhưng đây đó vẫn còn nhận thức chưa thật sự đầy đủ và sâu sắc về tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển bền vững. Trên diễn đàn Quốc hội khóa XI, XII, một số đại biểu Quốc hội đã thẳng thắn chỉ ra rằng, hầu hết các địa phương đều nhiễm hội chứng “khu công nghiệp” (một dạng bệnh thành tích) để lại hậu quả khôn lường đối với đời sống của nhân dân.

Quan điểm thứ ba đó là tăng trưởng kinh tế nhưng không chú ý đúng mức tới sự phát triển con người. Chạy theo mục tiêu tăng trưởng kinh tế đơn thuần, không quan tâm thỏa đáng đến mục tiêu phát triển xã hội, phát triển con người, cho nên ở nhiều nước đã diễn ra một quá trình tha hóa về văn hóa, đạo đức, lối sống ngày càng nghiêm trọng. Đối với Việt Nam, hiện tượng tăng trưởng kinh tế mà không chú ý đến sự phát triển con người đã được Đảng ta cảnh báo từ rất sớm, nhất là khi chúng ta phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức sở hữu. Tuy nhiên, do nhiều lý do chủ quan và khách quan, không ít vấn đề về phát triển con người ở nước ta hiện nay vẫn đang còn những bức xúc, bất cập. Khoảng cách giàu nghèo vẫn ngày một gia tăng, dịch bệnh lớn bùng phát ngày một nhiều, gây ảnh hưởng lớn đến mọi mặt của đời sống.

Bản chất của văn hóa là sáng tạo, là tổng thể sống động các hoạt động sáng tạo của cá nhân và cộng đồng trong quá khứ và hiện tại. Phát triển kinh tế không chỉ là tăng trưởng kinh tế một cách đơn thuần mà là tăng trưởng kinh tế phải gắn với công bằng xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, vì tự do và hạnh phúc, vì sự phát triển toàn diện của con người cả trong hiện tại và tương lai. Vì vậy, để kinh tế phát triển hài

hòa với sự phát triển của văn hóa - xã hội, chúng ta cần phải hướng đến sự phát triển bền vững. Phát triển bền vững có thể hiểu là: sự phát triển hài hòa kinh tế - xã hội với tốc độ cao, liên tục trong thời gian tương đối dài. Sự phát triển đó dựa trên việc sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên mà vẫn bảo vệ được môi trường sinh thái - nhân văn, dựa trên việc ứng dụng rộng rãi những thành tựu của khoa học - công nghệ, phát huy tối đa yếu tố con người và nguồn vốn để làm ra của cải vật chất, tinh thần ngày càng dồi dào, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của con người. Đó là sự phát triển đáp ứng nhu cầu xã hội hiện nay, nhưng không làm cạn kiệt tài nguyên, không để lại hậu quả xã hội cho các thế hệ tương lai.

Hiện nay, Đảng và Nhà nước ta coi văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Quản lý văn hóa, vì vậy, có thể ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực đến sự phát triển kinh tế. Nhiều ví dụ cho thấy, nếu chúng ta quản lý văn hóa tốt, sẽ tạo ra động lực và nguồn lực cho phát triển kinh tế, và ngược lại. Đối với trường hợp các ngành công nghiệp văn hóa chẳng hạn. Trong bối cảnh cạnh tranh kinh tế toàn cầu, việc sản xuất ra các sản phẩm hàng hóa mang tính độc đáo, có hàm lượng văn hóa cao và nội dung mang tính sáng tạo, đặc thù có thể tạo ra sự cạnh tranh với các sản phẩm hàng hóa cùng loại khác. Chính văn hóa tạo ra tính đặc thù, độc đáo và sáng tạo cho các sản phẩm đó. Khi đó, trong quản lý văn hóa, chính sách phát triển công nghiệp sẽ tạo điều kiện thúc đẩy cho các sản phẩm hàng hóa nói riêng, nền kinh tế nói chung phát triển.

#### **4- Quản lý văn hoá và thông tin - truyền thông**

Nhiều người cho rằng, chúng ta đang sống trong thời đại thông tin. Thông tin, truyền thông bằng kỹ thuật hiện đại là

một trong những thành tựu quan trọng nhất mà loài người đạt được trong vòng 2 thập kỷ trở lại đây và đang nhận được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý xã hội và người dân nói chung. Trong cuộc sống hằng ngày, người ta mặc nhiên thừa nhận các phương tiện thông tin, truyền thông như là bộ phận cấu thành đời sống xã hội. Con người hiện đại không thể sống thiếu nó. Sự ra đời của các phương tiện thông tin, truyền thông đã có những ảnh hưởng nhất định đối với văn hóa - xã hội, tạo nên những thay đổi sâu sắc. Điều này đặt ra cả những thuận lợi cũng như những khó khăn đối với các nhà quản lý văn hóa. Cụ thể như sau:

1. Các phương tiện truyền thông là công cụ đẩy mạnh quá trình giao lưu văn hóa. Ngày nay, nếu còn ai đó nghĩ rằng văn hóa có thể phát triển trong một địa bàn, một không gian khép kín thì đó là một sai lầm. Đã từ lâu, quan niệm văn hóa như vật sở hữu của một nhóm người, cho dù nhóm người ấy là những kẻ sáng tạo ra nó cũng không còn đúng nữa. Văn hóa không thể ngưng đọng, không thể bị cầm tù, vì ngưng đọng đồng nghĩa với tàn lụi, còn giam hãm tức là bóp chết văn hóa. Văn hóa cần được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, lan tỏa từ nơi này sang nơi khác, tiếp xúc, đan xen với các nền văn hóa khác. Đó là con đường của sự phát triển. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy rằng, ở đâu có sự giao lưu văn hóa cởi mở thì ở đó có sự phát triển. “Độ rộng, độ sâu, độ nhanh của giao lưu văn hóa quyết định trình độ phát triển, tiến bộ của xã hội”. Nhưng độ rộng, độ sâu, độ nhanh của giao lưu văn hóa ngày nay không thể có được nếu không có sự giúp sức của các phương tiện thông tin, truyền thông. Nhờ có các phương tiện thông tin, truyền thông, những nền văn hóa cách xa nhau có thể đến gần nhau hơn, tốc độ du nhập và du xuất văn hóa cũng diễn ra nhanh hơn. Điều này

khiến cho xã hội chuyển động với một tốc độ nhanh hơn và các khoảng cách xã hội được thu hẹp hơn rất nhiều. Những giá trị văn hóa - xã hội sẽ dần được biến đổi.

2. Các phương tiện thông tin, truyền thông đặc biệt có hiệu quả để thực hiện các chức năng của văn hóa, từ giáo dục, nhận thức thẩm mỹ, đến giao tiếp, giải trí và dự báo. Nói tóm lại, nó có vai trò quan trọng đối với sự phát triển văn hóa. Có thể nói, các phương tiện thông tin, truyền thông đã cung cấp những tri thức phong phú nhất, mới mẻ nhất cho con người. Nó giúp cho mỗi người củng cố những kiến thức đã có, bổ sung những kiến thức mới; giúp con người có thêm nhiều cách nhìn mới, cách tiếp cận mới, phương tiện thông tin lưu giữ, truyền bá và làm giàu thêm kho tàng tri thức nhân loại. Với khả năng bổ sung kiến thức mới nhất, nhanh nhất, cho nhiều người nhất vào cùng một thời điểm, các phương tiện thông tin, truyền thông mà đặc biệt là thông tin đại chúng đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc hình thành sự hiểu biết chung, những quan niệm chung... khơi dậy mối quan tâm của toàn xã hội, đặc biệt là của giới nghiên cứu khoa học về một lĩnh vực nào đó. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến việc hình thành các khái niệm mới, cách tư duy mới và lối sống mới.

Mặt khác, các phương tiện thông tin, truyền thông cũng làm cho các tác phẩm văn học, nghệ thuật đến được với nhiều người hơn, nhanh hơn và với một hình thức mới mẻ hơn. Nhờ vậy, đời sống văn học nghệ thuật sôi động hơn, sâu rộng hơn trong xã hội, cảm hứng tiếp nhận và hưởng thụ văn hóa nghệ thuật cũng nhờ vậy mà được nâng cao. Nói một cách khác, nó tạo nên một môi trường, một không khí cho văn hóa phát triển.

Bên cạnh đó, các phương tiện thông tin, truyền thông

ngày nay còn là một công cụ giao tiếp từ xa. Những người cách xa nhau hàng ngàn dặm cũng có thể giao tiếp trực tiếp được với nhau thông qua internet, tivi, radio, hay điện thoại.

3. Tuy nhiên, các phương tiện thông tin, truyền thông không chỉ góp phần phát triển văn hóa mà đôi khi còn gây ra hiệu ứng nghịch.

Sự phát triển vũ bão với khả năng kỳ diệu của các phương tiện thông tin đại chúng đã hằng ngày đem đến cho nhân loại một lượng thông tin khổng lồ, làm giàu thêm kho tàng tri thức nhân loại, đồng thời cũng làm thay đổi cả cảm giác không gian và thời gian truyền thống, thay đổi cả quan niệm con người sống giữa thiên nhiên. Những hình ảnh được kéo gần lại, một thế giới hiện thực đến mức cái gì cũng có thể quan sát trực tiếp được không phải lúc nào cũng là môi trường tốt cho sáng tạo nghệ thuật.

Ngày nay, nhất là ở các nước phương Tây, con người đang chìm ngập trong những luồng thông tin xô bồ bằng nhiều kênh, nhiều phương tiện khác nhau. Chính điều này đã đẩy người ta vào tình thế bắt buộc phải tiếp nhận thông tin. Nhận nhiều thông tin mà không kịp suy ngẫm để hành động rất có thể trở thành thiếu văn hóa.

Phương tiện nghe nhìn một mặt làm cho người ta gần gũi nhau hơn, mặt khác lại đẩy con người xa nhau hơn trong đời sống cộng đồng. Truyền hình làm người ta ngại đến xem phim, xem kịch tại các rạp hát. Phương tiện nghe nhìn tiêu tốn hết thời gian rỗi và chôn chân con người tại ngôi nhà nhỏ bé của mình. Thậm chí, ngay trong ngôi nhà ấy cũng bị chia nhỏ, cắt vụn ra vì nhu cầu thưởng thức nhiều kênh truyền hình khác nhau. Đời sống tình cảm của một gia đình truyền thống cũng đang bị thông tin đại chúng can thiệp một cách dữ dội. Điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển văn hóa.

Giao lưu văn hóa là xu thế không thể tránh được trong thời đại bùng nổ các phương tiện thông tin đại chúng. Nghiên cứu tác động của các phương tiện thông tin đến sự phát triển của văn hóa là việc làm hết sức cần thiết đối với các nhà quản lý văn hóa. Những điều đề cập trên đây là những vấn đề nan giải cần được giải quyết đồng bộ. Thời đại ngày nay không thể đóng cửa giao lưu văn hóa theo nghĩa cơ học mà phải xây dựng một hệ thống pháp luật tiên tiến làm màng lọc tinh vi để có thể tiếp nhận những tinh hoa văn hóa nhân loại. Việc nâng cao giải trí để nhân dân có thể tự chọn cho mình những cái gì là phù hợp, đào thải những gì là xa lạ là một việc làm có ý nghĩa lâu dài. Các phương tiện thông tin là một trong những kênh quan trọng của giao lưu văn hóa, vì vậy, chúng ta cần phát triển chúng đủ mạnh để thực hiện tốt chức năng văn hóa của nó. Nó là một bộ phận không thể thiếu của đời sống con người hiện đại. Vậy chính nó là văn hóa, là giá trị tinh thần của thời đại. Muốn giao lưu, các chủ thể phải có một sức mạnh nhất định thì sự giao lưu mới có ý nghĩa. Giao lưu không chỉ có nhận mà còn phải cho, phải có cái gì để trao đổi. Vì vậy, phát triển các phương tiện thông tin, truyền thông là nhu cầu khách quan của sự nghiệp đổi mới hôm nay.

Đối với quản lý văn hóa, thông tin - truyền thông có một vị trí và vai trò đặc biệt quan trọng. Các phương tiện truyền thông có vai trò như một yếu tố tác động đến nhận thức để thay đổi hành vi, và như vậy, quản lý văn hóa cần các phương tiện truyền thông để nâng cao nhận thức đối với các hoạt động quản lý của mình. Một trong những vấn đề căn bản trong bất kỳ hoạt động quản lý nào chính là nhận thức của người dân đối với hoạt động quản lý đó. Khi nhận thức của người dân cao, đúng và phù hợp, hoạt động quản lý trở nên dễ dàng hơn và ngược lại. Điều này cũng đúng với quản lý văn hóa. Do văn

hóa là một lĩnh vực nhạy cảm, liên quan nhiều đến cuộc sống của người dân nên việc thông tin đúng và kịp thời sẽ giúp cho quá trình quản lý trở nên thuận tiện hơn. Đã có nhiều ví dụ cho thấy, truyền thông ảnh hưởng thế nào đối với quá trình quản lý văn hóa cả ở hai chiều tích cực và tiêu cực. Những thông tin kịp thời về việc phá dỡ chùa Trăm Gian, xâm hại các di tích hay những tấm gương người tốt, việc tốt trong xã hội của các phương tiện truyền thông đã giúp cho xã hội tin tưởng ở những giá trị đạo đức tốt đẹp. Từ đó, các phong trào văn hóa hay những tuyên truyền, cổ động chính trị trở nên dễ đi vào quần chúng hơn. Tuy nhiên, ở một mặt khác, câu chuyện về lễ hội Đền Trần (Nam Định) cho thấy, một sinh hoạt văn hóa truyền thống trở thành mê tín, dị đoan và hỗn loạn như thế nào; hay các lễ hội được tổ chức tràn lan và tốn kém, những sự kiện các ca sĩ ăn mặc, nói năng, sinh hoạt không đúng mực, phản cảm, hay những thông tin quá chi tiết, quá nhiều về những hoạt động tiêu cực của một số người trong xã hội đã tạo ra một tâm lý bi quan cho một bộ phận không nhỏ, chắc chắn phải kể đến “sự tiếp tay” của các phương tiện truyền thông. Trước đây, chúng ta đã từng ghép văn hóa và truyền thông - thông tin trong một bộ quản lý, và lĩnh vực truyền thông được xem là một bộ phận hữu cơ của ngành văn hóa. Sở dĩ có điều này vì truyền thông là phương tiện truyền tải quan trọng của văn hóa, chính vì vậy, quản lý văn hóa cũng đồng thời là quản lý truyền thông. Đó là lý do tại sao, trong khuôn khổ cuốn sách này, chúng tôi lựa chọn thông tin - truyền thông như một lĩnh vực có quan hệ mật thiết với quản lý văn hóa.

## **5. Quản lý văn hoá và thể thao**

Lĩnh vực thể dục - thể thao là một lĩnh vực xã hội với nhiệm vụ là: “Phát triển toàn diện các tố chất thể lực, và trên

cơ sở đó phát triển các năng lực thể chất, bảo đảm hoàn thiện thể hình, củng cố sức khỏe, hình thành theo hệ thống và tiến hành hoàn thiện đến mức cần thiết các kỹ năng và kỹ xảo quan trọng cho cuộc sống”. Đây chính là điều kiện, tiền đề để phát triển nguồn lực con người, bảo đảm cho công tác đào tạo nhân lực cho sự nghiệp văn hóa nước nhà.

Thể thao đóng một vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển văn hóa - xã hội. Lúc sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất quan tâm đến việc rèn luyện thân thể, bảo vệ sức khỏe và Người đã nêu gương cho toàn Đảng, toàn dân noi theo. Quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua từng thời kỳ, từng giai đoạn, Đảng và Nhà nước ta nhận thức rõ ràng vai trò quan trọng của công tác rèn luyện thân thể, giữ gìn và nâng cao sức khỏe cho nhân dân. Do đó đã xác định thể dục - thể thao là một nhiệm vụ không thể thiếu trong chiến lược phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh - quốc phòng; đã xác định phấn đấu xây dựng nền thể dục - thể thao Việt Nam cùng hội nhập và tiến tới ngang tầm với các nước trong khu vực và thế giới. Trong công tác quản lý văn hóa, chúng ta cần nhận thức được mối quan hệ giữa văn hóa và thể thao, làm động lực cần thiết cho việc xây dựng và phát triển một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

Đảng và Nhà nước ta xác định vị trí quan trọng của thể dục - thể thao trong việc thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, tạo ra sức mạnh và động lực phát triển đất nước. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã xác định: Phát triển mạnh hoạt động thể dục - thể thao cả về quy mô và chất lượng, góp phần nâng cao thể lực và phát huy tinh thần dân tộc của con người Việt Nam. Văn kiện Đại hội XI của Đảng tiếp tục khẳng định việc xây dựng và thực hiện chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe, tầm vóc con người